

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
Năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ %	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	57	0	2	50	1	0	3	57	100%	18	36	3	
I	Giáo viên	48	0	1	46	0	0	0	48	14	17	31	0	
1	Toán	6			6				6	100%	3	3		
2	Lý	5			5				5	100%	1	4	0	
3	Hóa	3			3				3	100%	1	2		
4	Sinh	3			3				3	100%	1	2		
5	Văn	5			5				5	100%	1	4		
6	Sử	3			3				3	100%	1	2		
7	Địa	3		1	2				3	100%	2	1		
8	GDCD (GDKT&PL)	2			1				2	100%	1	1		
9	Tiếng Anh	6			6				6	100%	2	4		
10	Tin	3			3				3	100%	1	2		
11	Thể dục	3			3				3	100%	1	2		
12	Quốc phòng	2			2				2	100%	1	1		
13	KTCN	2			2				2	100%		2		
14	KTCN	2			2				2	100%	1	1		
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	3	100%	1	2		
1	Hiệu trưởng	1		1					1	100%	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2	100%		2		
III	Nhân viên	6	0	0	2	1	0	3	6	100%		3	3	0
1	Nhân viên Văn thư	1				1			1	100%			1	
2	Nhân viên Kế toán	1			1				1	100%		1		
3	Nhân viên Thư viện	1			1				1	100%		1		
4	Bảo vệ	2						2	2	100%		1	1	
5	Nhân viên Tạp vụ	1						1	1	100%			1	

Hàm Kiêm, ngày 25 tháng 07 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thi Nhân

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT
Năm học 2025 – 2026**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	24	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	Đạt yêu cầu
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	43.52	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	37.000	370 m2/1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1242	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	518	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	chưa xây	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Xưởng trường	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	55	Số học sinh/bộ 19
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi 65 inches	24	01/phòng
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	50	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	Đạt 90% yêu cầu
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			x		0.4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x				

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hàm Kiệm, ngày 25 tháng 07 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thi Nhân

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG
Năm học 2025 – 2026

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
2.	Ngữ văn 10 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
4.	Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
5.	Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
6.	Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
7.	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
8.	Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (Đồng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
9.	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
10.	Công Nghệ 10 (CN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
11.	Công Nghệ 10 (NN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
12.	Tin học 10 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên)	Đại học Sư phạm

13.	Giáo Dục Thể Chất 10- <i>Bóng Đá</i> (<i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i>)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
	Giáo Dục Thể Chất 10- <i>Bóng Chuyền</i> (<i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i>)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
	Giáo Dục Thể Chất 10- <i>Bóng Rổ</i> (<i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i>)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
	Giáo Dục Thể Chất 10- <i>Cầu Lông</i> (<i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i>)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
14.	Giáo dục quốc phòng an ninh 10	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
15.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (<i>Chân trời sáng tạo 1</i>)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3.	Ngữ văn 11 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4.	Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5.	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6.	Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7.	Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
8.	Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9.	Tin học 11 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam
10.	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
11.	Giáo Dục	Trịnh Hữu Lộc	NXB Giáo dục

	Thể Chất 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	(Tổng Chủ biên)	Việt Nam
12.	Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
13.	Công nghệ 11 (NN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
14.	Công nghệ 11 (CN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
15.	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 12 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3.	Ngữ văn 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4.	Hóa học 12 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5.	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6.	Lịch sử 12 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
7.	Địa lí 12 (Cánh Diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8.	Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9.	Tin học 12 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam
10.	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
11.	Giáo Dục Thể Chất 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
12.	Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp 12 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản –

			Thiết bị Giáo dục Việt Nam
13.	Công nghệ 12 (NN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
14.	Công nghệ 12 (CN) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
15.	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

Hàm Kiệm, ngày 25 tháng 07 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thi Nhân